

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST

Ngày 21/03/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thịnh

Bà Nguyễn Thị Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hương, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Nguyễn Xuân T**, (Tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1977, tại Ninh Bình; Trú tại: số nhà 43, ngõ 395, đường N, phố V, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Công C và bà Đặng Thị É; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân bị cáo:

+ Ngày 13/11/1995 TAND tỉnh Ninh Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

+ Ngày 27/02/1997 TAND thị xã N xử phạt 30 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Ngày 29/12/2000 TAND tỉnh Ninh Bình xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

+ Ngày 16/06/2009 Công an phường B, thành phố N xử phạt Cảnh cáo về hành

vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2018 đến ngày 29/11/2018 chuyển tạm giam; hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh An Viết Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người Làm chứng:

1. Anh Vũ Ngọc M, (Vắng mặt).
2. Anh Lê Đức D, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/11/2018, T đi xe ôm từ nhà sang khu vực đầu cầu Non Nước thuộc địa phận xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 200.000 đồng được 01 gói nhỏ, gói bằng giấy màu trắng, đồ bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng. Sau khi mua được ma túy, T mang về nhà sử dụng một ít, số còn lại T gói vào giấy gói ban đầu và cất trong người. Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 23/11/2018, An Viết Q sinh năm 1978, trú tại thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình là người nghiện ma túy, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Q bắt xe ôm đến khu vực cầu Vòm thuộc phường N, thành phố N để tìm mua ma túy. Tại đây Q gặp một người đàn ông không quen biết cho số điện thoại 0912.....996 của T và bảo gọi điện đến số điện thoại này nói là chỗ anh T giới thiệu thì sẽ có người bán ma túy cho. Sau đó Q sử dụng điện thoại Nokia lắp sim số 033.....674 gọi điện đến số điện thoại của T hỏi mua 200.000 đồng ma túy. T đồng ý và hẹn Q đến khu vực cây xăng đối diện cổng trường Chính trị ở đường N, phố V, phường B, thành phố N. Hồi 19 giờ 20 phút cùng ngày, Q bắt xe ôm đến, còn T đi bộ đến điểm hẹn. Do đã thỏa thuận từ trước nên khi gặp nhau, T đưa cho Q 01 gói nhỏ gói bên ngoài bằng giấy màu trắng đỏ, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, Q cầm gói nhỏ trên tay trái và đưa cho T số tiền 200.000 đồng, T cầm tiền và cất vào túi áo bên phải. Khi T và Q đang mua bán ma túy thì bị Tổ công tác Công an phường N phối hợp với Công an phường B, thành phố N phát hiện bắt quả tang. Thu giữ số tiền 200.000 đồng ở túi áo bên phải của T, T khai nhận đây là tiền bán ma túy cho Q mà có; thu giữ trên tay trái của Q 01 gói nhỏ gói bên ngoài bằng giấy màu trắng đỏ, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, Q khai nhận đây là ma túy vừa mua của T với giá 200.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong số vật chứng nói trên, sau

đó đưa T, Q cùng tang vật chứng về trụ sở công an phường B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ 01 điện thoại di động vỏ có nhãn hiệu L màu hồng của T, 01 điện thoại di động Nokia màu xanh của Q.

Cân xác định trọng lượng chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của An Viết Q có trọng lượng 0,02g kí hiệu M1 gửi giám định xác định loại ma túy, trọng lượng chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 20/KLGD-PC09-MT ngày 25/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, kết luận: “Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng là 0,0186gam (không phẩy không nghìn một trăm tám mươi sáu) gam là ma túy, loại Heroine.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 28/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định số 20/KLGD-PC09-MT ngày 25/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt Nguyễn Xuân T từ 27 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2018. Phạt bổ sung bị cáo từ 05 đến 10 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS);

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định.
- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:
 - + 01 điện thoại NOKIA màu xanh thu giữ của An Viết Q.
 - + 01 điện thoại nhãn hiệu L màu hồng lắp sim Vinaphone thu giữ của Nguyễn Xuân T.
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Xuân T.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận bản thân là người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định, Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/11/2018, Trường đi xe ôm từ nhà sang khu vực đầu cầu Non Nước thuộc địa phận xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 200.000 đồng được 01 gói nhỏ, gói bằng giấy màu trắng, đồ bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng. Sau khi mua được ma túy, T mang về nhà sử dụng một ít, số còn lại T gói vào giấy gói ban đầu và cất trong người; Hồi 19 giờ 20 phút cùng ngày bị cáo đã bán gói ma túy còn lại cho An Viết Q lấy 200.000 đồng. Lời khai của bị cáo là khách quan phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến, lời khai người làm chứng, vật chứng đã thu giữ. Phù hợp với kết luận giám định số 20/KLGD-PC09-MT ngày 25/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, kết luận: “Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,0186gam là ma túy, loại Heroine. (Heroine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục I, số thứ tự 9; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định danh mục chất ma túy).

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận khoảng 19 giờ 20 phút ngày 23/11/2018 tại khu vực đường N, phố V, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Xuân T đã có hành vi bán trái phép 0,0186 gam Heroine cho An Viết Q lấy 200.000 đồng bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về việc trao đổi chất ma túy. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự cũng như biết rất rõ tác hại của ma túy ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế, trật tự xã hội. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng cho bản thân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép

chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Cần nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện, học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 BLHS; Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Bị cáo bán ma túy nhằm thu lời bất chính vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với mức 5.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

[2]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy thu giữ của T, sau khi giám định phòng kỹ thuật hoàn trả toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu, không có giá trị sử dụng vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động vỏ có nhãn hiệu L màu hồng lắp sim số 0912.980.996 thu giữ của T và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh lắp sim số 033.4282.674 thu giữ của Q quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định T và Q sử dụng để liên lạc mua bán ma túy vì vậy cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của T là số tiền T bán ma túy cho Q mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[3] Các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc số ma túy T khai mua của một người không quen biết ở xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N không đủ căn cứ để điều tra làm rõ.

- Đối với người xe ôm đã cho Q số điện thoại của T và người đã chở Q đến mua ma túy. Q không biết tên tuổi của những người này nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với An Viết Q là người đã mua 0,0186 gam Heroine của Nguyễn Xuân T, bản thân An Viết Q không có tiền án, tiền sự về các tội ma túy do đó không đủ căn cứ

xử lý hình sự đối với Q. Công an thành phố N đã xử lý hành chính 1.000.000 đồng đối với An Viết Q về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ đúng quy định.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định;

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2018. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân T 5.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

2.1. Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định.

2.2. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu L màu hồng; 01 điện thoại NOKIA màu xanh.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/01/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Chi cục thi hành án dân sự dân sự thành phố N)

2.3. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số 200.000 đồng.

(Số tiền 200.000 đồng hiện đang ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N tại kho bạc Nhà nước thành phố N, theo uỷ nhiệm chi số 44 lập ngày 29/01/2019).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 các điều 135, 136 của BLTTHS; các điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trường có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh An Viết Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA. DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Trại tạm giam Ninh Bình;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu (Hồ sơ, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

